

# VỀ NHỮNG VẤN ĐỀ XÃ HỘI Ở MỘT SỐ XÃ PHÁT TRIỂN MẠNH KINH TẾ HÀNG HÓA

ĐẶNG CẢNH KHANH

## 1

CHÚNG tôi chọn xã Nam Giang, huyện Nam Ninh, tỉnh Hà Nam Ninh, một trong những xã có sự phát triển đa dạng và mạnh mẽ các ngành nghề sản xuất làm địa bàn nghiên cứu. Nam Giang không phải là hình ảnh thu nhỏ của vùng nông thôn đồng bằng Sông Hồng. Nó mang trong mình quá nhiều những đặc điểm riêng biệt tới mức độ không thể trở thành một mẫu đại diện cho vùng này.

Tuy vậy, rõ ràng không thể có cái riêng nào không mang trong mình nó ít nhiều tính chất của cái chung ở mặt này hoặc mặt kia, ở mức độ này hay mức độ khác. Bởi vậy những vấn đề được đặt ra và giải quyết ở Nam Giang lại có thể đại diện cho những mặt nhất định của toàn bộ vùng đồng bằng Sông Hồng. Đặc biệt, một số vấn đề của Nam Giang có thể đại diện cho một nhóm những vùng nông thôn đang chuyển mạnh theo xu hướng sản xuất hàng hóa. Cụ thể là, cùng với việc đẩy mạnh thâm canh tăng năng suất cây lương thực, cần phải chuyển dần lao động nông nghiệp sang sản xuất những ngành nghề khác, tận dụng và phát huy cao nhất mọi tiềm năng lao động ở nông thôn... Đó cũng là hàng loạt những vấn đề xã hội nảy sinh và đòi hỏi phải giải quyết khi phát triển mạnh kinh tế hàng hóa, chẳng hạn sự phân hóa trong cơ cấu xã hội, sự biến đổi trong những mối quan hệ giữa các tập thể, nhóm và cá nhân, sự chuyển biến trong lối sống, những đổi thay trong định hướng giá trị v.v...

## 2

Mới cách đây vài năm thôi, Nam Giang không có gì khác lắm so với những xã khác ở đồng bằng Sông Hồng. Một xã chuyên sản xuất nông nghiệp, thu nhập chính là từ nông nghiệp mà sản phẩm là cây lúa cộng thêm với một chút ít hoa màu trồng gối vào các vụ chính. Nghề rèn thủ công cổ truyền vốn rất nổi tiếng mà mới cách đây ít tháng người ta vừa làm lễ kỷ niệm năm thứ 628 ngày ra đời của nó, đã bị chèn ép, coi nhẹ và không phải triển được. Trong thời gian này, tập thể và hợp tác xã chỉ khuyến khích trồng lúa, màu, còn làm bất cứ nghề nghiệp gì dính dáng tới cá thể đều bị coi như là làm ăn trái phép. Bởi vậy, ngoài thời vụ nông nghiệp bận rộn, mặc dù người ta có quá nhiều thời gian nghỉ ngơi, nhưng nếu có làm thêm nghề nghiệp nào nữa thì cũng cứ phải lén lút.

Vinh quang của đôi bàn tay người thợ từ thuở xa xưa chỉ còn in dấu ở sự khéo léo tuyệt mỹ của những hình quy, phượng bằng sắt rèn chưa bao giờ bị hoen gỉ bởi mưa nắng của thời gian trên mái cong của ngôi chùa Bi nổi tiếng trong vùng.

Trả lời câu hỏi của chúng tôi: “điều gì làm cho bà con phấn khởi nhất trong những năm gần đây? . Một trong những người cao tuổi nhất ở xã đã trả lời: “đó là việc cho phép mở lại những ngành nghề truyền thống”. Câu trả lời cung được hầu hết những người dân Nam Giang ủng hộ. Trong cuộc điều tra của chúng tôi, có tới 89,7 % số người làm ruộng được hỏi cho rằng việc phát triển ngành, nghề thủ công nghiệp là con đường quan trọng để sản xuất ra nhiều của cải vật chất, nâng cao đời sống nhân dân. Điều đó hoàn toàn có cơ sở khoa học và thực tế của nó.

Trong những năm gần đây, việc đẩy mạnh sản xuất thủ công nghiệp, mở rộng các nghề sản xuất tự do đã khiến cho Nam Giang có được một bộ mặt dường như hoàn toàn đổi khác. Với số dân trên 12 nghìn người, và diện tích canh tác bình quân không quá 1,2 sào một đầu người, nếu chỉ trông vào nông nghiệp,

Nam Giang sẽ có một tỷ lệ lao động thừa rất lớn. Bởi vậy mặc dù đã cố gắng thâm canh tăng năng suất, tăng tỷ lệ quay vòng của đất lên tới 2,5 lần một năm, tăng năng suất lúa những năm cao nhất lên tới 11 tấn/ha, năm thấp nhất cũng đạt tới 6 tấn/ha, nhưng nạn khan hiếm lương thực vẫn luôn luôn là một mối đe dọa lớn. Mức ăn thực tế ở Nam Giang thường chỉ đạt trên dưới 6 kg thóc cho một người trong tháng. Nhu cầu phải tổ chức tốt công ăn việc làm cho những lao động nông nghiệp dư thừa trở nên vô cùng thúc bách.

Nằm trên một mảnh đất trũng, cách thành phố Nam Định khoảng 10 km, nơi tiếp xúc của hai trục lộ giao thông với một con sông lớn. Nam Giang đã có những điều kiện địa lý tốt để tăng cường sản xuất hàng hóa. Sự khai thông về giao thông vận tải cộng với tiềm năng lao động truyền thống sẵn có đã tạo cho Nam Giang những cơ sở thuận lợi ban đầu làm đà cho sự phát triển sau này. Bởi vậy trong những năm gần đó, sau một loạt những chủ trương chính sách mới của Đảng và Nhà nước, được sự mở rộng tư tưởng và tổ chức Nam Giang đã trở thành một vùng kinh tế phát triển và đầy tính năng động.

Mọi cái dường như được bắt đầu từ những cố gắng của Nhà nước và tập thể hợp tác xã nhằm tổ chức lại lao động sản xuất, bố trí phát triển hàng loạt ngành nghề phụ trong phạm vi quản lý của hợp tác xã. Ngay sau đó, cách làm này, do một loạt cơ chế pháp lý ràng buộc đã không thu được kết quả. Những ngành nghề mà hợp tác xã đứng ra đảm nhận, ký kết hợp đồng gia công cho Nhà nước, do rất nhiều nguyên nhân, chẳng hạn, sự phân phối nguyên vật liệu không đều và không đầy đủ, giá cả thu mua không hợp lý; kế hoạch sản xuất và trao đổi hàng hóa thất thường đã bị thua lỗ lớn. Điển hình cho điều đó là hoạt động của một đội sản xuất thảm đay gia công cho cơ quan ngoại thương tỉnh. Hợp tác xã đã bỏ khá nhiều vốn liếng, tiền của để mua máy móc thiết bị và dạy nghề cho xã viên, nhưng cuối cùng, hơn một trăm lao động tập trung vào cơ sở này đã phải chuyển về làm nông nghiệp, vừa lãng phí vừa thua lỗ. Do những sự kiện trên, hợp tác xã và tập thể đã thu gọn lại những sự kèn càng của mình và quyết định mở rộng cho lao động ngành nghề cá thể được tự do phát triển không gò bó, ép buộc như trước. Cá thể tự bỏ vốn, tự tìm kiếm nguyên vật liệu và tự tìm thị trường tiêu thụ. Nhà nước và hợp tác xã chỉ theo dõi việc sản xuất những mặt hàng chính và thu thuế.

*Bảng A :*

**Các đội chuyên trách ngành nghề của HTX Nam Giang.**

Tên đội	Số lao động
- 3 đội cơ khí	250 lao động
- Đội sản xuất vôi gạch	60 lao động
- Đội thảm đay xuất khẩu	100 lao động
- Đội thủy nông	50 lao động
- Đội giồng và bảo vệ thực vật	50 lao động
- Đội thủy lợi	60 lao động
- Đội bán chuyên trách	70 lao động
<b>Tổng cộng</b>	<b>640 lao động</b>

*Bảng B :*

**Tỉ lệ so sánh thu nhập do ngành nghề mang lại với**

**tổng thu nhập do HTX quản lý**

	1985	1986	1987
- Trồng trọt	88%	62%	82%
-Ngành nghề	12%	36%	18%

Trong điều kiện hợp tác xã chỉ có thể quản lý được khoảng 10% việc sản xuất và phân phối sản phẩm ngành nghề ngoài nông nghiệp, thì những phạm vi còn lại đều chịu sự chi phối hoàn toàn của tư nhân. Ở đây, sức mạnh bùng ra từ cơ chế tự do của thị trường, hàng hóa là điều thật đáng ngạc nhiên. Chỉ trong một thời gian không dài với một cơ chế mở rộng, việc sản xuất tư nhân, gia đình đã hình thành, lớn lên và len lỏi vào từng hoạt động xã hội, tạo ra một khả năng sản xuất hàng hóa thật đáng kể. Nam Giang có 7 thôn trong đó Vân Chàng là nơi tập trung hơn cả nghề rèn truyền thống và những ngành nghề khác, 70% trong số trên 500 bể lò rèn ở toàn xã là nằm trong thôn này. Sản phẩm chủ yếu được làm ra ở đây là các công cụ lao động như cày, búa, xẻng, quốc, phụ tùng xe đạp, xe thồ... và những dụng cụ gia đình như bản lè, cửa, dây thép, đinh các loại, cưa, đục v.v... tập hợp lại trong hơn 200 nhóm mặt hàng.

Nếu lấy Vân Chàng làm tâm điểm những hoạt động sản xuất ngành nghề của xã, chúng ta sẽ thấy rõ ở Nam Giang đang hình thành một sự phân công lao động tự nhiên. Nếu thôn Đồng Côi và thôn Nhi đang tiếp thu nhanh chóng kỹ thuật và cung cách làm ăn của Vân Chàng, mở rộng thêm mạng lưới hoạt động của các bể lò rèn, thì thôn Tư lại hình thành một đội quân vận tải chuyên nghiệp. Với công cụ vận tải thô sơ như những chiếc xe thồ kiểu Điện Biên Phủ nổi tiếng, đội quân vận tải này tỏa ra khắp các vùng lân cận, lên tận Hà Bắc, Vĩnh Phú, Lạng Sơn, vào tận Nghệ An, Thanh Hóa, Trị Thiên, vừa giải tỏa hàng hóa làm được, vừa tìm kiếm nguyên vật liệu, sắt thép, phế liệu cung cấp cho việc sản xuất của các thôn kia. Ở đây, sức mạnh ưu thế về mặt giao thông có một vị trí thật quan trọng. Dường như ở Nam Giang, tất cả mọi phương tiện giao thông đều được tận dụng từ xe bò, xe thô sơ tới các phương tiện vận tải lớn. Hàng ngày, người ta có thể nhìn thấy hàng loạt những chiếc xe vận tải dỡ xuống đây vô số nguyên vật liệu. Phế phẩm từ các bãi thải công nghiệp cũng có mà chính phẩm do mọi thủ đoạn công khai và bí mật đưa về cùng có. Ngoài bên sông, bên cạnh những chuyến bốc dỡ nguyên, nhiên liệu công khai còn hình thành một nhóm người chuyên chèo những thuyền nhỏ ép sát vào những sà lan đi ngang qua để giao thiệp, trao đổi, mua bán hàng hoá.

Trong sự phân công tự nhiên của việc sản xuất ngành nghề, thôn Ba được coi là một thôn hậu cần. Những người dân ở đây chuyên sản xuất bánh trái, mua bán gạo, thịt, làm đậu phụ và nấu rượu, mang tới phục vụ tại chỗ, ở các chợ họp tại đầu các thôn sản xuất thủ công. Mọi sự giao lưu nhộn nhịp thường bắt đầu từ mờ sáng cho tới tối khuya, tất cả được xoay vào xung quanh hoạt động ồn ào của 5 cái chợ mở thường xuyên hàng ngày trong xã. Thật ra, nếu nhìn bề ngoài ở một xã nông nghiệp mà thấy có tới 5 chợ (2 cái mới mở trong thời gian gần đây) thì cũng là điều hơi khác lạ. Tuy nhiên ở đây, nó lại hoàn toàn tự nhiên và cần thiết cho chính sự phát triển sản xuất hàng hóa. Nó giúp cho sự lưu thông hàng hóa trở nên nhanh chóng, kích thích mọi tiềm năng lao động, sản xuất, tiêu thụ tạo ra một nhịp độ sống mới, khẩn trương, nhộn nhịp.

Đi sâu vào việc sản xuất ngành nghề ở Nam Giang, chúng ta cũng thấy ở đây bắt đầu có sự phân công chuyên môn hóa sản xuất theo kiểu các công trường thủ công mà Mác đã nhắc tới khi nói về giai đoạn đầu tiên của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Cũng là việc sản xuất phụ tùng ve đạp, nhưng nếu thợ rèn ở thôn Vân Chàng chuyên sản rất vành xe đạp, thì thợ rèn ở thôn Đồng Côi và thôn Nhi lại được tập trung vào làm moay-ơ và các loại côn trục. Trong chính việc sản xuất ra một mặt hàng cũng hình thành tự nhiên sự phân công giữa các gia đình. Chẳng hạn, để sản xuất hoàn chỉnh một moay-ơ xe đạp, cần thiết phải có sự tham gia của một cụm nhiều gia đình được phân chia thành 6 công đoạn theo lối dây chuyền. Gia đình nào

ở cuối công đoạn thường đảm nhiệm luôn khâu lắp ráp và tiêu thụ sản phẩm.

Trên thực tế, với việc mở rộng các ngành nghề tự do, lấy nghề rèn truyền thống làm trọng tâm, xã Nam Giang đã có thể thu hút được hầu hết những tạo động dư thừa trong nông nghiệp vào sản xuất của cải vật chất. Ở đây, lao động người già và lao động trẻ em cũng được sử dụng. Có thể nói giá thuê lao động ở Nam Giang đạt tới mức độ cao nhất so với rất nhiều vùng khác xung quanh. Mức sống trung bình của người dân Nam Giang tăng lên rõ rệt.

Tuy nhiên, những vấn đề của Nam Giang sẽ còn phải được xem xét kỹ càng hơn dưới nhiều góc độ nghiên cứu. Câu hỏi đặt ra là cung cách làm ăn của Nam Giang có đáng được biểu dương khuyến khích hay không? Trong điều kiện đẩy mạnh việc sản xuất kinh tế hàng hóa, cần phải giải quyết như thế nào giữa sản xuất nông nghiệp và sản xuất ngành nghề, xử lý như thế nào mối quan hệ giữa kinh tế tập thể và kinh tế cá thể, giữa lợi ích của Nhà nước, lợi ích của tập thể và lợi ích của cá nhân. Trả lời được câu hỏi đó chắc chắn sẽ tìm ra được một cơ chế quản lý kinh tế phù hợp nhất, vừa đẩy nhanh việc sản xuất hàng hóa cho xã hội vừa kích thích mọi tiềm năng lao động ở nước ta hiện nay.

Ở trên, chúng tôi đã phác họa những nét cơ bản về tình hình ban xuất ngành nghề theo hướng phát triển kinh tế hàng hóa ở Nam Giang trong những năm gần đây. Sự phát triển này, đặc biệt là mạng lưới sản xuất cá thể còn chưa được tổ chức và quản lý chặt chẽ, mặc dù có góp phần nâng cao mức sống trung bình của người dân trong xã nhưng đã tạo ra những biến đổi mạnh mẽ trong cơ cấu xã hội. Nó cũng bước đầu tạo ra những sự phân hóa rất rõ rệt trong cơ cấu của chính giai cấp nông dân.

Có thể nói, sự chuyển biến mạnh mẽ sang sản xuất ngành nghề đã làm cho người nông dân bị phân hóa rõ rệt. Có thể nhìn thấy rất rõ có ba nhóm đang được tách ra khỏi nhau trong những người nông dân. *Nhóm I* gồm những gia đình nông dân đã chuyển hẳn sang sản xuất thủ công nghiệp. *Nhóm II* gồm những hộ vừa làm nông nghiệp vừa làm ngành nghề khác. *Nhóm III* chỉ làm nông nghiệp thuần túy. Dưới đây, chúng tôi sẽ cố gắng lần lượt phân tích cơ cấu bên trong của những nhóm này.

Ở *nhóm I* những hộ đầu tiên tách ra khỏi nông nghiệp là những thợ rèn có tay nghề cao vẫn hành nghề bán công khai trước đây và những người có chân trong các đội sản xuất ngành nghề của hợp tác xã nay về làm cá thể tại gia đình. Trước khi tách hẳn khỏi lao động nông nghiệp, những hộ nó trên đều trải qua một thời gian suy tính, thăm dò những quy chế mới của Nhà nước. Việc đầu tư của họ vào sản xuất vẫn còn hạn chế và cho tới nay mặc dù đã tách hẳn khỏi sản xuất nông nghiệp nhưng họ vẫn còn rất nhiều đắn đo, do dự. Mới đầu, hầu hết các hộ gia đình thuộc nhóm này đều tiếp tục nhận ruộng khoán của hợp tác xã. Thực chất việc nhận ruộng trong thời gian đầu này chỉ để đối phó và đề phòng những đổi thay trong cơ chế quản lý hơn là để trông cậy vào sự thu nhập bằng hoa lợi. Bởi vậy, việc ngành nông nghiệp, mà trên thực tế chỉ là thuê mướn nhân công, không những không mang lại hiệu quả thậm chí còn thua lỗ thất bát, đã khiến cho các hộ trong nhóm quyết định trả lại ruộng khoán cho hợp tác xã để chuyển vào làm nghề thủ công.

Gần đây, do việc ngành nghề thủ công mang lại thu nhập cao và do khoán sản phẩm trong nông nghiệp còn chưa có được một phương thức hoàn toàn vừa ý nên số nông dân bỏ ruộng khoán, gia nhập vào nhóm này đã tăng lên rõ rệt. Ở thôn Vân Chàng có tới một phần ba số gia đình trả ruộng khoán và chuyển sang làm nghề rèn. Ở đội sản xuất nông nghiệp do anh Phi làm đội trưởng, có tới 43 hộ gia đình trong số 120 hộ trong đội trả ruộng khoán. Con số này đang còn có xu hướng tăng lên nữa. Điều đó đã buộc ban quản lý hợp tác xã phải đề ra những biện pháp cương quyết, xử phạt hoặc không cho phép trả ruộng khoán trong thời vụ gieo trồng.

Về thực chất, những gia đình thuộc nhóm I sau khi tách khỏi việc sản xuất nông nghiệp đã trở thành những người thợ thủ công làm ăn cá thể. Trong chừng mực mà Nhà nước và tập thể chưa có những điều kiện và biện pháp quản lý chặt chẽ thì mọi việc từ sản xuất đến sinh hoạt của những người trong nhóm đều

hoàn toàn tùy thuộc vào sự thăng trầm của môi trường kinh doanh buôn bán cá thể mà trong đó họ là một thành phần. Nhìn chung ở trong xã, so với những nhóm khác thu nhập kinh tế của nhóm I trong những năm gần đây đã tăng lên rõ rệt. Chính điều đó cũng tạo ra sự phân hóa trong bản thân nội bộ nhóm. Những hộ gia đình có vốn ban đầu lớn, có nhiều nhân lực lao động đã giàu lên nhanh chóng. Họ có đủ khả năng để mở rộng cơ sở sản xuất và nếu chắc chắn được phép, sẽ sẵn sàng bỏ thêm vốn (mà hiện nay vẫn còn cất giấu kỹ) để mua thêm máy móc và thuê mướn nhân công. Hiện nay, nhiều hộ đã có tới 6, 7 bề lò thường xuyên làm việc. Số lao động được thuê mướn khi gặp dịp làm ăn có thể lên tới 7, 8 người.

Trong nhóm I, một số gia đình, thường là ở đầu hoặc cuối của một công đoạn sản xuất đang có xu hướng tách ra khỏi sản xuất để kinh doanh buôn bán nguyên vật liệu và sản phẩm. Những hộ này cũng có bề lò trong nhà nhưng ngày càng ít hoạt động khi những lợi lộc thu được bằng kinh doanh buôn bán tăng lên.

Phân tích cơ cấu của nhóm I, chúng ta nhận thấy những nhận định cơ bản của Lênin khi phân tích về sự phân hoá của người nông dân đến nay vẫn còn hoàn toàn đúng đắn. Người cho rằng: “Sự phát triển của kinh tế hàng hóa (cũng do đó mà) có nghĩa là một bộ phận ngày càng đông trong dân cư tách khỏi nông nghiệp tức là nhân khẩu công nghiệp tăng lên sẽ làm cho nhân khẩu nông nghiệp giảm xuống”<sup>(1)</sup>. Rõ ràng những chỉ báo có tính phương pháp luận của Lê-nin về tính quy luật của sự biến đổi cơ cấu xã hội trong điều kiện sản xuất hàng hóa là hoàn toàn cần thiết đối với việc đánh giá thực tế cơ cấu xã hội ở Nam Giang.

Trong sự phân hóa cơ cấu của người nông dân, Nam Giang, *Nhóm II* gồm những người sản xuất thủ công nhưng chưa hoàn toàn tách khỏi nông nghiệp. Nói một cách cụ thể hơn là những người vừa làm thủ công vừa làm nông nghiệp. Nhóm này gồm hầu hết những gia đình mới bước vào nghề rèn, có tay nghề không cao, không có nhiều vốn đầu tư hoặc vì những lý do nhất định chưa muốn tách khỏi việc làm ăn tập thể của hợp tác xã. Nhóm này thường chỉ nhận ruộng khoán ở mức độ vừa phải, nhận ruộng vừa để tìm một chỗ lủi cần thiết những lúc gặp khó khăn, nhưng cùng chỉ vừa đủ mức để đàn lao động vào sản xuất ngành nghề. Theo điều tra của chúng tôi, một gia đình trong nhóm này nếu có 5 khẩu và 2 lao động chính thường chỉ nhận ruộng khoán ở mức 3 sào.

Nhìn chung, *nhóm II* nằm trung gian và giao động giữa *nhóm I* và *nhóm III*. Bởi vậy sự phân hóa trong nhóm cũng được chia về hai cực của hai nhóm trên. Ở gần với nhóm I là một số hộ có đủ cơ sở, vốn và kỹ thuật nhưng vẫn còn giữ lại ruộng khoán vì những lý do về tâm lý và tư tưởng. Họ giữ lại ruộng khoán nhưng chỉ làm cầm chừng vì sợ mang tai tiếng, còn lại thì thuê mướn nhân công ở trong xã và thậm chí ở những xã khác tới làm. Có nhiều hộ gần như thuê mướn hoàn toàn. Ở gần với nhóm III là những hộ chưa có điều kiện vật chất và kỹ thuật để tách hoàn toàn khỏi nông nghiệp. Phần lớn các hộ này chỉ làm nghề thủ công khi mùa màng chưa thúc bách, khi thị trường tiêu thụ đòi hỏi hoặc khi sản phẩm làm ra có lãi suất cao. Tuy nhiên, gần đây do việc sản xuất ngành nghề ngày càng có thu nhập kinh tế cao nên xu hướng chung của toàn bộ nhóm II là tách dần khỏi nông nghiệp và nhập vào nhóm I. Ít có những hộ muốn quay trở lại nhóm III.

*Nhóm III* là nhóm những người nông dân thuần túy sản xuất nông nghiệp. Nhóm này thường là những gia đình ở sâu trong các xóm xa cách các trục đường giao thông. Vốn không có nghề làm thủ công, không quen buôn bán, nhóm này chỉ trông cậy chủ yếu vào nông nghiệp do hợp tác xã quản lý, gắn bó với nhưng thành công hay thất bát của mùa màng tập thể.

Trong những năm gần đây, cơ chế khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm và người lao động trong nông nghiệp đã tạo ra một động lực thúc đẩy quá trình sản xuất nông nghiệp. Cơ chế mới cũng tạo ra những sự phân hóa trong người nông dân. Ở Nam Giang, trong nhóm những người sản xuất nông nghiệp thuần túy

<sup>1</sup> V.I Lênin: Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Nga. Toàn tập tập 3. NXB Tiến bộ Matxcova, tr. 25



cũng có những sự phân hóa rõ hơn về hai phía giàu và nghèo. Hầu hết những hộ gia đình có khả năng lao động, có vốn để đầu tư chăm sóc cây trồng trong nhóm này đều ủng hộ việc khoán sản phẩm và muốn nhận thêm ruộng khoán. So với trước đây, họ có thu nhập khá hơn. Bởi vậy, trong cuộc điều tra của chúng tôi, hầu hết những gia đình này đều coi việc nhận thêm ruộng khoán là phương thức tốt nhất để tăng thu nhập kinh tế. Tất nhiên, đây là một trong những vấn đề rất đáng lưu ý, bởi lẽ trong điều kiện nhiều hộ nông dân ở nhóm I trả ruộng để chuyển sang sản xuất ngành nghề thì ở nhóm III lại có nhiều hộ muốn nhận thêm ruộng khoán. Trên thực tế việc làm thỏa mãn nhu cầu của hai nhóm cũng là làm tăng khả năng sản xuất chung.

Ở trong nhóm III cũng có một số lớn những hộ ít có điều kiện và khả năng đầu tư thâm canh tăng năng suất ruộng khoán. Bởi vậy thu nhập của họ còn thấp. Ngoài ra trong số hộ còn có những gia đình hết sức neo đơn, gia đình ít lao động, một số gia đình bộ đội, thương binh, liệt sĩ. Do lao động thiếu, không có vốn ban đầu để đầu tư vào ruộng khoán nên đời sống của các gia đình này ngày càng trở nên khó khăn. Với tình trạng khoán lao động như hiện nay, nếu không có sự giúp đỡ của tập thể và chính quyền, những hộ này rất ít có khả năng tự mình nâng cao mức sống. Nhiều hộ trong số này, trên thực tế làm ruộng không đủ để trả mức khoán cho hợp tác xã. Nợ nần tập thể, hợp tác xã và cá nhân chôn chắt từ vụ này sang vụ khác, năm họ qua năm kia đã khiến cho nhiều người đã phải đi làm thuê. Hiện tượng khô đọng sản phẩm trên miền đã kiến cho bên cạnh sự sung túc chung của toàn xã, những hộ gia đình nói trên ngày càng mất phương hướng, thậm chí không tìm được lối thoát trên chính quê hương của mình. Ở Nam Giang, họ trở thành đối tượng chủ yếu của những đợt vận động đi xây dựng kinh tế mới. Với cơ chế tổ chức lao động sản xuất nông nghiệp như hiện nay sự phân hóa trong cơ cấu của *nhóm III* cùng với sự phân cực giữa những hộ giàu và hộ nghèo sẽ còn tăng lên.

Ngoài ba nhóm chủ yếu mà chúng tôi đã phân tích ở trên, tại Nam Giang còn xuất hiện một nhóm IV gồm những người vốn và nông dân nay không còn tham gia trực tiếp lao động sản xuất mà chỉ sống bằng nghề buôn bán, chạy chợ hoặc làm những công việc dịch vụ, may vá, sửa chữa đồng hồ, xe đạp... dọc theo hai con đường chính trong xã. Nhóm này giàu lên trông thấy trong những năm gần đây. Nhiều hộ đã xây nhà cao tầng, mua sắm những đồ vật đắt tiền. Việc sản xuất thủ công nghiệp và sự phát triển của kinh tế hàng hóa tăng lên bao nhiêu thì số người trong nhóm này cũng phình ra bấy nhiêu.

Để tham khảo xu hướng vận động ngành nghề trong các nhóm, chúng ta hãy xem xét thêm bảng C, tỷ lệ những hộ muốn hoặc không muốn nhận thêm ruộng khoán:

*Bảng C* : Gia đình có muốn nhận thêm ruộng khoán nữa không?

	Có	Không
Nhóm III	25,6%	74,4%
Nhóm II	23,4%	76,6%
Nhóm I	16,7%	83,3%

Bảng C cho thấy những người muốn nhận thêm ruộng khoán chủ yếu nằm ở nhóm III, nhóm những người thuần túy làm nông nghiệp. Đa số những người thuộc *nhóm I* làm thợ thủ công thuần túy không muốn nhận ruộng khoán. Cùng với việc tăng nhanh thu nhập do sản xuất thủ công, nhìn chung trong cả ba nhóm tỷ lệ số người muốn nhận ruộng khoán là thấp.

Chúng ta cũng tham khảo thêm *bảng D* nói về nguồn thu nhập chính và *bảng E* về nguồn thu nhập phụ của các hộ thuộc ba nhóm trên:

**Bảng D : Thu nhập chính của gia đình từ các khoản nào?**

	Làm ruộng	Làm thủ công	Chăn nuôi	Buôn bán
Nhóm I	0	83,3%	0	0
Nhóm II	64,1%	60,9%	15,6%	6,3%
Nhóm III	97,4%	0	20,5%	5,1%

**Bảng E: Thu nhập phụ gia đình từ những khoản nào?**

	Làm ruộng	Làm thủ công	Chăn nuôi	Buôn bán
Nhóm I	0		0	1,6%
Nhóm II	28,2%	37,5%	32,8%	0
Nhóm III	2,7%	25,6%	46,2%	0

Điểm đáng chú ý là khi đối chiếu hai bảng, chúng ta sẽ thấy ở nhóm I của những người làm thủ công, con số thu nhập phụ bên ngoài nghề là rất nhỏ (1,6%). Như vậy những người trong nhóm này không hề có ý định chuẩn bị gì cho việc trở lại nghề nông. Việc tách ra khỏi nông nghiệp là dứt khoát. Ở nhóm II, tỷ lệ giữa thu nhập bằng nghề thủ công và thu nhập bằng nghề nông tương đối ngang nhau. Ở nhóm III của những người thuần túy làm nông nghiệp trong khi có tới 97,4% số người được hỏi trả lời họ thu nhập chính từ nông nghiệp thì cũng có tới 25,6% số người có thu nhập phụ (dù rất nhỏ) từ sản xuất nghề phụ. Tất cả những con số trên cho thấy xu hướng chuyển mạnh sang sản xuất ngành nghề trong cả ba nhóm ở Nam Giang là đáng kể

#### 4

Việc phát triển mạnh kinh tế hàng hóa ở Nam Giang cũng không chỉ làm biến đổi cơ cấu của xã hội mà còn làm nảy sinh hàng loạt những vấn đề xã hội vừa tích cực vừa tiêu cực cần phải được nghiên cứu và giải quyết. Ở đây chúng ta không thể không lưu ý tới mối quan hệ và sự chuyển hóa lẫn nhau giữa mặt kinh tế và mặt xã hội, giữa quản lý kinh tế và quản lý xã hội trong điều kiện kinh tế cá thể còn phát triển tự phát, Nhà nước và tập thể chưa đủ khả năng để quản lý và chi phối toàn bộ nền sản xuất.

Vấn đề đặt ra là đi đôi với những chính sách nhạy bén và năng động để phát triển mạnh kinh tế, chúng ta phải kịp thời vạch ra những chính sách xã hội tương ứng như thế nào để có thể phát triển nhịp nhàng cả hai mặt này, nói một cách cụ thể để tạo ra sự công bằng xã hội, mở đường cho kinh tế phát triển hơn nữa. Chúng tôi cho rằng việc coi trọng thiên lệch dù là mặt kinh tế hay mặt xã hội đều sẽ để lại những hậu quả tai hại.

Trước hết, cần phải nói rằng sự phát triển mạnh kinh tế hàng hoá ở Nam Giang đã tạo ra được những mặt tích cực đáng kể trong đời sống xã hội. Tính bình quân, đời sống kinh tế của nhân dân trong xã đã tăng lên rõ rệt. Ngoài nguồn thu nhập tương đối ổn định từ sản xuất nông nghiệp, xã đã có một nguồn thu nhập khác do sản xuất thủ công nghiệp mang lại. Chỉ tính riêng số thu nhập từ sản xuất ngành nghề phụ do hợp tác xã quản lý, Nam Giang đã có thêm năm cao nhất 38% sản phẩm cộng thêm vào tổng sản phẩm nông nghiệp. Nếu cộng thêm với một nguồn thu nhập rất lớn từ việc phát triển các ngành nghề cá thể mang lại (mà chưa thể tính hết được) thì tổng thu nhập của toàn xã còn lên rất cao. Điều đó sẽ là cơ sở cho việc nâng cao mức sống xã hội, nâng cao những hoạt động văn hóa tinh thần của toàn xã nếu việc tổ chức và quản lý

xã hội tốt.

Hệ quả đầu tiên trong sự tác động của các yếu tố kinh tế tới những hoạt động xã hội ở Nam Giang là những thay đổi mới mẻ, năng động, tích cực trong thái độ và phong cách lao động. Cơ chế hoạt động nhộn nhịp của thị trường hàng hóa đã đặt người lao động trong xã vào một nhịp độ lao động mới. Ở đây, mọi lực lượng lao động, kể cả người già và trẻ em đều được tận dụng. Một khả năng, phương tiện có thể làm ra được hàng hóa, sản phẩm và tiền bạc đều được sử dụng một cách triệt để. Thực tế điều tra của chúng tôi tại Nam Giang đã cho thấy việc sử dụng tiền bạc và lao động ở đây đã bắt đầu được hạch toán chi li và chu đáo hơn. Việc hội hè đình đám ở Nam Giang mặc dù trong những năm gần đây phát triển, nhưng so với những vùng lân cận khác lại được tổ chức gọn nhẹ và ít tốn phí hơn. Do giá trị của đồng tiền ở đây được nâng cao nên các đám cưới, đám ma, giỗ chạp cũng được tổ chức tiết kiệm hơn.

Tất cả những điều đó cũng đã tác động tới việc tổ chức và điều hành các công việc chung của tập thể và hợp tác xã. Gần đây. Ở Nam Giang, những cuộc họp hành vô bổ, những hoạt động phô trương hình thức làm tốn kém thời gian và lao động đã bị bãi bỏ dần. Công việc tổ chức lao động sản xuất được chuẩn bị kỹ lưỡng và tính toán cẩn thận hơn từ khả năng đầu tư, chi phí sản xuất tới hiệu quả thực tế của công việc. Việc tổ chức làm ăn có hạch toán hướng vào mục tiêu cuối cùng là nâng cao hiệu quả công việc đã làm xuất hiện nhu cầu bức bách phải giảm con số những cán bộ hành chính, ăn lương của xã và hợp tác xã. Nếu trước đây, con số những cán bộ này lên tới trên 50 người thì ngày nay, thực tế chỉ còn lại 22 và trong thời gian tới sẽ còn giảm xuống nữa. Phần lương thực dành cho những cán bộ này được khống chế trở lại đồng thời với việc khuyến khích họ nhận thêm ruộng khoán hoặc làm thêm nghề phụ. Những cái đó đã tạo ra một bước chuyển, một trong tâm lý, tư tưởng của người nông dân, nó đã tấn công và phá vỡ những lề thói lao động tùy tiện, chậm chạp, quan tiêu và bảo thủ trước đây, bước đầu tạo ra trong xã hội một bầu không khí làm việc và sinh hoạt mới, một nếp suy nghĩ gắn liền với thực tế.

Cùng với những mặt tích cực nói trên, việc đẩy mạnh sản xuất hàng hóa, sự chuyển biến trong cơ cấu xã hội, trong nếp suy nghĩ cũng tạo ra những thay đổi tiêu cực mà trên thực tế còn chưa được điều chỉnh lại. Ở đây, rõ ràng từ sự suy tính thực tế tới quan điểm thực dụng trong lối sống không có một ranh giới thật rõ rệt. Do sự điều tiết và khống chế của lối làm ăn cá thể được mở rộng gần đây, do sức cuốn hút tự nhiên của thị trường tự do, những mối quan hệ xã hội ở Nam Giang cũng bắt đầu thay đổi.

Cơ chế thực dụng của thị trường hàng hóa đã tác động tới mọi cơ chế của xã hội, ảnh hưởng tới hoạt động của các tổ chức chính quyền, Đảng và các đoàn thể quần chúng. Hiệu lực của bộ máy chính quyền có phần giảm sút. Khi một số lớn những người nông dân chuyển sang làm nghề thủ công cá thể, một số khác đứng trong sự giao động giữa sản xuất nông nghiệp và sản xuất thủ công, giữa làm ăn tập thể và làm ăn cá thể, đồng thời một nguồn thu nhập lớn của gia đình không còn trông vào tập thể hợp tác xã nữa thì vai trò quản lý của tập thể cũng không còn mạnh được như trước.

Sự quan tâm của tập thể tới cuộc sống của các gia đình và cá nhân cũng giảm sút nhiều. Trong bảng G, chúng tôi đặt câu hỏi khi gặp khó khăn gia đình ta thường được sự giúp đỡ của ai?. Những câu trả lời đã cho thấy con số những người được sự giúp đỡ về vật chất hoặc tinh thần của chính quyền, hợp tác xã và các đoàn thể quần chúng là rất thấp. Ở nhóm những người làm ruộng thuần túy nếu 76,9% số người được hỏi nhận sự giúp đỡ của bà con ruột thịt thì chỉ có 12,8% được sự giúp đỡ của chính quyền; hợp tác xã và 7,7% của các đoàn thể.

*Bảng G:* khi gặp khó khăn gia đình được sự giúp đỡ của ai? (tính phần trăm)

	Bà con ruột thịt	Họ hàng	Láng giềng	Chính quyền	HTX	Đoàn thể	Không trả lời



Nhóm I	83,3%	50	50	33,3	33,3	3,37	16,7
Nhóm II	65,6%	37,5	34,4	9,4	12,5	9,4	29,7
Nhóm III	76,9%	53,8	38,5	12,8	12,8	7,7	12,8

Quan điểm thực dụng cũng tấn công vào chính những hoạt động của tổ chức đảng địa phương. Trong khi số đảng viên ở Nam Giang những năm gần đây được kết nạp rất ít thì số người tự động bỏ sinh hoạt, ra khỏi Đảng để tự do làm ăn cá thể, thậm chí buôn bán, chạy chợ lại lên rất cao. Ở chi bộ thôn Đồng Côi, trong những năm gần đây chỉ kết nạp được có 2 đảng viên trong khi đó lại có tới 40 đảng viên hoặc về hưu trí hoặc đã hết tuổi lao động trong số 45 đảng viên toàn chi bộ.

Hoạt động của Đoàn thanh niên cộng sản ở Nam Giang gần đây cũng trở nên rời rạc, hình thức và không cuốn hút được sự tham gia của thanh niên. Trên thực tế ở Nam Giang chỉ còn cơ sở Đoàn ở hai thôn Đồng Côi và thôn Nhất là còn hoạt động. Những cuộc vận động thi đua, sinh hoạt, lao động do đoàn thanh niên tổ chức đã không được hưởng ứng nhiệt tình. Thậm chí có đội sản xuất đã phải chấm công điểm cho đoàn viên để họ tham gia các hoạt động của đoàn cho khỏi mất điểm thi đua. Hội nông dân tập thể trong xã cũng chỉ có trên hình thức mà không hoạt động thực tế. Văn nghệ từ một hình thức văn hóa quần chúng trở thành một phương tiện kinh doanh. Các hoạt động dân quân tự vệ bị bỏ trôi. Hoạt động phụ lão không còn lành mạnh như trước mà trở thành một hình thức cổ hủ, bảo thủ theo kiểu các bộ lão thời phong kiến. Trong khi những hoạt động làm ăn cá thể tăng lên thì những công việc chung, công việc của tập thể ít được quan tâm hơn. Số người tham gia sinh hoạt đội, sinh hoạt hợp tác xã giảm sút rõ rệt.

Việc phát triển kinh tế hàng hóa cũng làm thay đổi mối quan hệ giữa người với người. Ở Nam Giang, bầu không khí mua bán trao đổi, mối quan hệ hàng hóa thị trường đã bao trùm lên những mối quan hệ xã hội. Quan hệ trả tiền ngay trong từng nơi từng lúc đã lấn át những quan hệ tình cảm tốt đẹp truyền thống. Hầu hết các gia đình nông dân đều nói rằng để có thể được cày bừa tốt nên ruộng khoán của mình, những người chủ ruộng khoán đã phải "lót tay" thêm khá nhiều tiền cho những người hàng xóm của mình làm ở các đội cày bừa của hợp tác xã. Quan hệ giúp đỡ tương trợ lẫn nhau giữa những người hàng xóm giảm sút đã khiến cho các mối quan hệ thân tộc, dòng họ tăng lên (xem bảng G). Thực tế, nhưng sự giúp đỡ lẫn nhau trong ngày mùa bận rộn phần lớn đều được tính toán ít hoặc nhiều trên cơ sở của giá thuê mướn nhân lực lao động. Điều đó dẫn tới tình trạng, có nhiều gia đình neo đơn, túng thiếu, không có khả năng về vốn và nhân lực đường như bị bỏ rơi.

Ở Nam Giang, trong điều kiện thị trường tự do phát triển, sự phân hóa người giàu, người nghèo ngày càng rõ rệt thì những tệ nạn xã hội cũng xuất hiện và tăng lên đáng kể. Nạn rượu chè, cờ bạc, gây gổ đánh nhau ngày càng nhiều. Trong xã có tới trên 10 đối tượng cờ bạc chuyên nghiệp và bán chuyên nghiệp và một vài ổ mại dâm bán công khai. Tất cả những cái có đã khiến cho nề nếp sinh hoạt gia đình bị đe dọa, tôn ti trật tự trong xã hội bị đảo lộn, trẻ em không được giáo dục chu đáo, nạn học sinh bỏ học tăng lên.

## 5

Chúng ta đang chuyển từ một nền sản xuất nhỏ trong cơ chế tập trung quan liêu bao cấp sang nền sản xuất lớn với cơ chế hạch toán, kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Bài học từ thực tế của việc nghiên cứu ở Nam Giang đã mang lại rất nhiều ý nghĩa. Đảng bộ và nhân dân Nam Giang trong thời gian qua đã có những cố gắng rất lớn, đổi mới tư duy, đổi mới phong cách làm việc và trên thực tế đã đạt được những thành tích đáng kể trong việc nâng cao sản xuất và đời sống nhân dân.

Tuy nhiên mô hình phát triển của Nam Giang, cũng cho thấy rất nhiều vấn đề cần phải được đi sâu nghiên cứu và giải quyết. Rõ ràng, cho đến nay, ở nông thôn nói chung chúng ta vẫn chưa tìm thấy được

một cơ chế thích hợp nhất để phát triển mạnh mẽ nền kinh tế sản xuất hàng hoá ở cả ba thành phần quốc doanh, tập thể và gia đình cá thể. Ở Nam Giang cũng vậy. Điều mà Nam Giang chưa thể giải quyết được chính là sự mất cân đối ngày càng lớn giữa ba thành phần rói trên. Ở đây, vai trò của kinh tế Nhà nước và kinh tế tập thể cần phải được phát triển và điều chỉnh trở lại so với nền kinh tế cá thể, kinh tế gia đình. Để điều tiết mối quan hệ này, Nam Giang còn lúng túng và chưa tìm ra được một phương thức thích hợp để việc củng cố kinh tế tập thể không làm hạn chế hoặc trói buộc sự phát triển của kinh tế gia đình và kinh tế cá thể, và cuối cùng để nâng cao khả năng sản xuất chung của xã hội. Việc đẩy mạnh và hoàn thiện cơ chế khoán sản phẩm trong nông nghiệp ở Nam Giang, ở một mức độ nhất định đã không được gắn liền với việc củng cố mối quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, củng cố hợp tác xã nông nghiệp. Rõ ràng đây cũng là một trong những vấn đề quan trọng, cần được nghiên cứu sâu hơn.

Kinh nghiệm ở Nam Giang còn cho thấy rằng trong khi phát triển mạnh kinh tế hàng hóa, trong khi quan tâm rất nhiều tới vấn đề kinh tế và hiệu quả cuối cùng của kinh tế, chúng ta thường chưa chú ý đúng mức tới những vấn đề xã hội. Ở đây, giữa chính sách kinh tế và chính sách xã hội đã có một khoảng cách chưa hợp lý. Bởi vậy mặc dù những năm gần đây đời sống kinh tế ở Nam Giang có khá lên nhưng nói chung người dân vẫn không hài lòng với những gì diễn ra ở thực tế xã hội.

Trả lời câu hỏi của chúng tôi: “Hiện nay, ông bà quan tâm tới những vấn đề gì nhất?”, nếu số người quan tâm tới những vấn đề của đời sống kinh tế chiếm 28,8% thì số người quan tâm tới những vấn đề công bằng xã hội lại lên tới 34,5%. Khoảng cách so sánh giữa hai con số còn cao hơn nữa nếu người được hỏi trên 40 tuổi, tức là 29,8% so với 54,8%. Điều đó cho thấy những nhu cầu về mặt xã hội ở từng nơi, từng lúc, từng lứa tuổi nhất định đã cao hơn cả nhưng nhu cầu về mặt kinh tế.

Việc chưa xử lý đúng đắn mối quan hệ giữa chính sách kinh tế và chính sách xã hội là một trong những nguyên nhân tạo ra sự phân hóa xã hội và những tệ nạn, những mặt tiêu cực của đời sống. Bởi vậy, kinh nghiệm của Nam Giang đã cho thấy, khi đề ra hoặc vận dụng một chính sách kinh tế, một chủ trương, biện pháp phát triển kinh tế, chúng ta không thể không nghiên cứu, xem xét kỹ lưỡng những vấn đề xã hội tương ứng sẽ xảy ra. Nhu cầu phải có những chính sách xã hội kịp thời hợp lý không chỉ giúp cho việc hình thành một động lực mạnh mẽ nâng cao tính tích cực chính trị xã hội, lòng hăng say đối với lao động sản xuất mà còn tạo điều kiện tốt để thực hiện chính các chính sách kinh tế. Ở đây, quá trình phát triển kinh tế, nâng cao tổng thu nhập xã hội, nâng cao mức sống của cá nhân còn đồng thời phải là quá trình để người nông dân trưởng thành, lớn lên, tự cải tạo mình thành những con người mới xã hội chủ nghĩa trong sự nghiệp chung của giai cấp công nhân. Mặt chính sách xã hội, bởi vậy càng chiếm một vị trí quan trọng trong sự thống nhất chung với mặt chính sách kinh tế.